

Bản án số: 152/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Cảnh

Ông Lê Thành Đông

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trầm Thị Huỳnh N, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Nô Pôk, xã T, huyện C, tỉnh T1 (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* anh Phan Văn H, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã T1, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trầm Thị Huỳnh N trình bày:

Chị và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân (ghi tắt là UBND) xã T1 (G, B) vào ngày 11/12/2020. Sau khi kết hôn, do tính tình không hòa hợp nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai đều không có thiện chí hàn gắn. Hiện nay do hai bên không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Con chung là Phan Ngọc N sinh ngày 26/8/2021 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Phan Văn H vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trầm Thị Huỳnh N.

** Tại phiên tòa:*

Chị Trầm Thị Huỳnh N vắng Nng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Phan Văn H vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án đúng quy định so với Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bao gồm: lập hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 204 Bộ luật Tố tụng dân sự; tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp: xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh H... đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; tiến hành mở phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và thông báo kết quả công khai chứng cứ đúng quy định tại các điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị N yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không hòa giải được. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa.... N vậy, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật Tố tụng Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn chị Trầm Thị Huỳnh N đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn anh Phan Văn H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. N vậy, anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ quy định tại các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trầm Thị Huỳnh N. Chị Trầm Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Phan Văn H.

+ Về con chung: giao cháu Phan Ngọc N sinh ngày 26/8/2021 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Huỳnh N trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên tòa, chị Trầm Thị Huỳnh N vắng Nng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng anh Phan Văn H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai Nng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã T1 (G, B) vào ngày 11/12/2020 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai vẫn không thể hoà giải và hàn gắn. Trong quá trình tố tụng, chị N xác định hai bên không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt; anh H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ Nng vẫn không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Từ đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ,

phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Phan Ngọc N sinh ngày 26/8/2021. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi hai bên sống ly thân cho đến nay con chung ở với chị N, cuộc sống đã ổn định; tính đến thời điểm xét xử, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi; anh H cũng không tranh chấp nuôi con. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N trình bày không có.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị N phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Trầm Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Phan Văn H.

2/- Con chung: Phan Ngọc N sinh ngày 26/8/2021.

Giao cháu Phan Ngọc N sinh ngày 26/8/2021 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: chị N trình bày không có.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trầm Thị Huỳnh N phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005882 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã Hưng N,
- (G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Duyên

